

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng gần 7 điểm hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,384.59 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính dẫn đầu đà tăng hơn 4%, theo sau là ngành Tài nguyên cơ bản, Ô tô và phụ tùng tăng hơn 1%; các ngành còn lại không có biến động đáng kể. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX, HNX và bán ròng trên sàn UPCOM. Trong những phiên tới, VN-Index có thể tiếp tục xu hướng tăng trong giằng co và trở về 1,400. Tuy nhiên chỉ báo RSI đã đi vào vùng quá mua, nhà đầu tư nên cẩn trọng trước áp lực chốt lời.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 02/07/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+6.75** điểm, đóng cửa tại **1384.59** điểm. HNX-Index **+3.17** điểm, đóng cửa tại **231.62** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **TCB (+1.00)**, **BCM (+0.94)**, **SSI (+0.50)**, **HPG (+0.37)**, **VIX (+0.31)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.38)**, **BID (-0.33)**, **VHM (-0.28)**, **VIC (-0.18)**, **HVN (-0.15)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,185** tỷ đồng, tăng **13.19%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,505 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 12.45 điểm. Thị trường có **204** mã tăng, 62 mã tham chiếu, **109** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **885.52** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **GMD (166.41 tỷ)**, **GEX (148.36 tỷ)**, **VIX (117.62 tỷ)**, **SSI (111.65 tỷ)**, **MSN (82.66 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **72.94** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.90%**. Các mã diễn biến tích cực:
HCM (+6.82%)
SSI (+4.29%)
KBC (+3.43%)
- BSC50 **+1.10%**. Các mã diễn biến tích cực:
FTS (+6.98%)
SIP (+6.95%)
IDC (+5.47%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.90%	1.10%	0.49%	0.45%
1 tuần	1.21%	1.21%	1.31%	1.19%
1 tháng	6.24%	3.53%	3.61%	4.20%
3 tháng	11.59%	10.04%	12.58%	15.55%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,384.59	231.62	100.61
% 1D	0.49%	1.39%	-0.11%
GTKL (tỷ VND)	20,185	1,838	488
%1D	13.19%	31.54%	-16.71%
GDNN (tỷ VND)	885.52	72.94	-18.00

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GMD	166.41	VHM	-102.25
GEX	148.36	VCB	-52.64
VIX	117.62	HSG	-41.25
SSI	111.65	FPT	-29.06
MSN	82.66	BID	-28.27

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

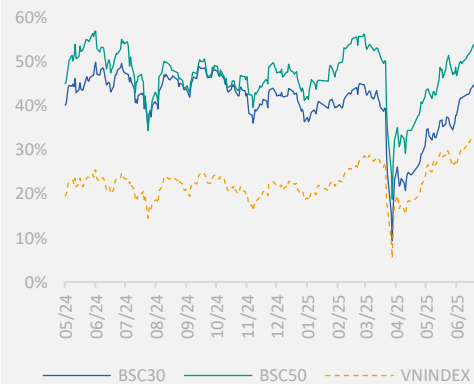
		%D	%W
SPX	6,198	-0.11%	1.74%
FTSE100	8,802	0.19%	0.96%
Eurostoxx	5,310	0.44%	0.94%
Shanghai	3,455	-0.09%	-0.03%
Nikkei	39,762	-0.56%	2.09%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	67.47	0.27%
Giá vàng	3,288	-0.03%
Tỷ giá		
USD/VND	26,323	0.05%
EUR/VND	31,664	0.14%
JPY/VND	186	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.3%	0.02%
LS LNH 1M	5.2%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	35.00	1.74%	1.00	7.06
BCM	68.20	5.74%	0.94	1.04
SSI	25.50	4.29%	0.50	1.96
HPG	22.90	1.10%	0.37	6.40
VIX	13.65	6.64%	0.31	1.46

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	48.20	5.47%	0.55	0.33
SHS	13.40	4.69%	0.36	0.89
NVB	12.50	3.31%	0.31	1.17
MBS	27.50	3.00%	0.30	0.57
KSF	65.60	1.71%	0.21	0.30

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FTS	39.85	6.98%	0.22	11.86
MDG	13.05	6.97%	0.00	0.00
DTA	4.92	6.96%	0.00	0.09
SIP	73.90	6.95%	0.25	1.49
HCD	7.70	6.94%	0.00	0.18

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BTW	49.00	9.87%	0.17	0.00
POT	17.90	9.82%	0.13	0.00
QST	30.70	9.64%	0.04	0.01
TKU	14.90	9.56%	0.25	0.00
LIG	3.50	9.38%	0.12	4.23

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	58.00	-0.34%	-0.38	8.36
BID	36.40	-0.55%	-0.33	7.02
VHM	76.00	-0.39%	-0.28	4.11
VIC	95.40	-0.21%	-0.18	3.88
HVN	38.60	-0.77%	-0.15	2.21

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	12.00	-3.23%	-0.17	0.68
BAB	12.00	-0.83%	-0.06	0.96
PRE	20.00	-4.31%	-0.06	0.10
IVS	9.10	-4.21%	-0.03	0.10
VIF	16.80	-0.59%	-0.02	0.35

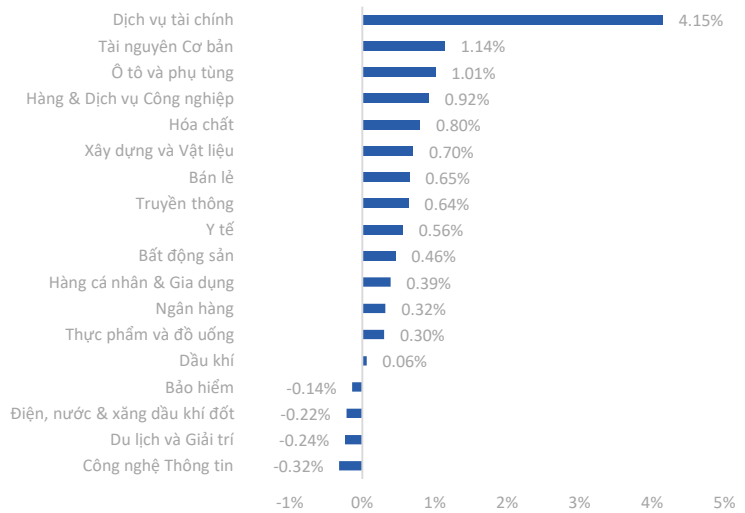
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SMA	9.60	-5.88%	0.00	0.00
TMS	42.00	-5.83%	-0.10	0.01
TEG	6.32	-5.53%	-0.01	0.37
SVD	3.62	-4.74%	0.00	0.13
ASP	5.33	-4.65%	0.00	0.05

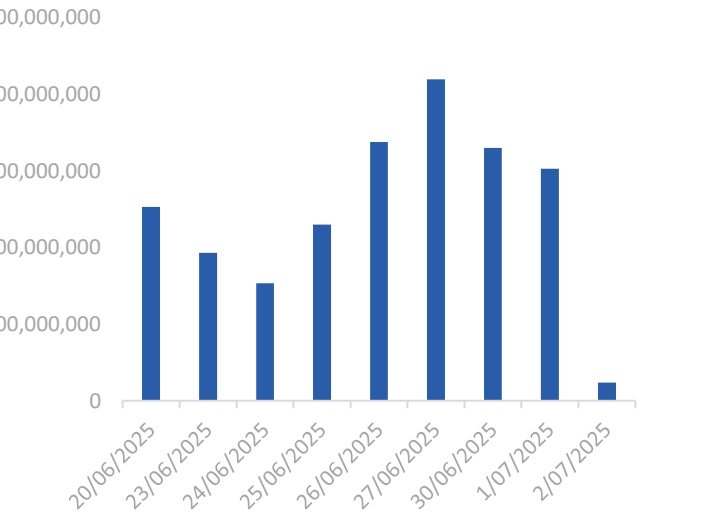
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	11.00	-9.84%	-0.02	0.00
PSC	11.10	-9.02%	-0.03	0.00
PEN	8.20	-8.89%	-0.01	0.00
SFN	18.10	-8.59%	-0.02	0.00
THB	10.00	-7.41%	-0.03	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	64.8	0.5%	1.4	95,814	379.9	2,977	21.8		48.2%	
KBC	Bất động sản	27.2	3.4%	1.8	25,569	263.7	1,620	16.8		17.7%	
KDH	Bất động sản	29.2	-0.9%	1.2	29,525	54.1	896	32.6		35.2%	
PDR	Bất động sản	17.8	0.9%	1.6	16,103	107.2	179	98.9	23,600	9.7%	Link
VHM	Bất động sản	76.0	-0.4%	0.9	312,163	450.1	7,766	9.8	81,300	10.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	118.6	-0.2%	1.0	175,686	548.3	5,612	21.1	136,500	40.4%	Link
BSR	Dầu khí	17.8	0.0%	0.0	55,189	28.1	(37)	-484.2		0.3%	
PVS	Dầu khí	32.2	0.3%	1.4	15,391	120.3	2,303	14.0	38,600	13.3%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.7	6.8%	1.6	24,515	497.0	1,376	16.5		36.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	25.5	4.3%	1.4	50,283	1036.3	1,545	16.5		35.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.5	3.1%	1.5	26,211	420.7	1,602	22.8		28.5%	
DCM	Hóa chất	33.7	0.8%	1.4	17,841	102.3	2,805	12.0	37,800	4.8%	Link
DGC	Hóa chất	101.8	0.9%	1.3	38,661	193.5	8,224	12.4	109,300	14.8%	Link
ACB	Ngân hàng	21.3	0.0%	0.7	109,411	180.9	3,224	6.6	30,400	29.7%	Link
BID	Ngân hàng	36.4	-0.6%	0.8	255,578	138.6	3,643	10.0	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	41.9	0.0%	1.0	225,003	181.4	4,806	8.7	50,000	27.1%	Link
HDB	Ngân hàng	22.3	0.9%	1.1	77,940	429.5	3,985	5.6	26,400	16.5%	Link
MBB	Ngân hàng	26.1	0.2%	0.9	158,964	366.7	4,049	6.4	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.3	0.0%	1.1	31,850	67.5	2,150	5.7	14,000	27.6%	Link
STB	Ngân hàng	47.6	1.3%	1.1	89,642	637.5	5,767	8.2		19.8%	
TCB	Ngân hàng	35.0	1.7%	1.3	247,270	1161.8	3,013	11.6	33,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.6	0.4%	0.9	35,931	157.1	2,383	5.7	-	23.0%	Link
VCB	Ngân hàng	58.0	-0.3%	0.6	484,629	175.8	4,063	14.3	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	18.3	0.0%	1.1	54,518	79.7	2,400	7.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.6	0.8%	1.1	147,571	477.8	2,030	9.2	24,000	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	22.9	1.1%	1.1	175,769	607.1	1,628	14.1	35,800	22.3%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.0	1.8%	1.7	10,557	200.2	749	22.7	16,800	8.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	34.6	-0.3%	1.4	11,580	327.1	3,930	8.8	32,200	5.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	75.2	0.0%	1.5	108,164	362.7	1,518	49.5	82,500	25.3%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.7	0.4%	0.7	120,590	217.5	4,194	13.8	64,500	48.4%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.7	2.05%	1.5	9,797	131.5	2,098	21.3	26.3%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	181.0	0.78%	0.9	24,660	172.4	3,279	55.2	32.2%	24.0%	Link
BVH	Bảo hiểm	53.5	-0.19%	0.9	39,714	27.8	2,975	18.0	27.2%	9.7%	
DIG	Bất động sản	17.4	1.75%	1.5	11,248	199.9	303	57.4	2.9%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.7	0.00%	1.6	16,964	156.9	310	53.8	23.7%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	25.5	0.59%	1.1	4,539	62.6	443	57.5	3.7%	3.4%	
HDG	Bất động sản	25.5	1.80%	1.4	9,434	105.9	762	33.5	18.7%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	48.2	5.47%	1.3	15,906	265.0	4,982	9.7	18.2%	31.2%	
NLG	Bất động sản	39.0	-0.13%	1.3	14,999	71.2	1,827	21.3	47.2%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	73.9	6.95%	1.5	15,558	107.8	6,076	12.2	4.1%	29.7%	
SZC	Bất động sản	39.0	1.69%	1.5	7,019	144.7	2,036	19.2	2.9%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	20.0	0.50%	1.4	13,364	75.3	1,279	15.6	10.6%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	95.4	-0.21%	1.1	364,777	103.9	2,823	33.8	7.5%	8.0%	
VRE	Bất động sản	25.2	1.61%	1.2	57,262	96.1	1,844	13.7	17.9%	10.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	40.8	-3.55%	0.9	8,621	145.9	1,654	24.7	36.3%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	37.0	0.14%	1.0	46,948	25.1	1,535	24.1	17.2%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	19.8	0.00%	1.4	10,979	82.5	1,246	15.9	3.4%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	39.9	6.98%	1.8	13,808	460.9	1,649	24.2	27.7%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.5	3.00%	1.8	15,752	215.8	1,650	16.7	6.4%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.4	0.00%	0.8	155,553	37.5	4,543	14.6	1.9%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.9	-0.77%	1.0	30,210	58.2	546	23.6	3.3%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.3	-1.78%	0.9	35,912	122.6	3,922	16.9	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	90.2	-0.33%	0.6	53,363	54.0	2,769	32.6	11.9%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	38.1	2.97%	1.7	34,381	703.2	1,954	19.5	8.9%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.0	4.35%	1.2	25,212	387.3	3,797	15.8	39.9%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	67.1	1.05%	1.4	8,716	137.9	5,594	12.0	4.5%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.8	0.28%	1.1	8,341	17.1	2,293	7.7	9.9%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	116.5	0.52%	0.0	14,188	65.8	3,235	36.0	5.8%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	82.9	-0.60%	0.9	28,012	78.8	6,105	13.6	48.9%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	33.0	2.64%	1.0	3,697	133.0	2,608	12.7	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	22.4	4.19%	1.4	2,746	98.2	2,580	8.7	17.1%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	38.8	1.04%	1.4	15,184	173.1	1,223	31.7	7.6%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	31.3	0.32%	2.0	125,000	142.4	1,174	26.6	1.0%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	22.7	0.44%	1.0	42,191	262.8	1,856	12.2	5.1%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	32.4	0.62%	0.9	96,639	66.0	3,333	9.7	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.2	2.08%	0.0	23,608	154.0	2,809	6.1	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	12.0	1.27%	1.0	29,466	73.1	1,189	10.1	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.6	2.64%	1.6	6,087	161.6	1,122	12.1	5.1%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	23.6	4.42%	1.5	6,284	192.9	612	38.6	2.5%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.1	-2.71%	0.7	10,352	186.2	1,387	24.5	3.8%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.4	-0.32%	1.0	59,511	88.3	3,217	14.4	59.0%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	60.8	3.23%	1.3	13,647	167.0	5,567	10.9	22.4%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	140.9	0.36%	0.9	11,534	15.5	13,288	10.6	85.7%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	84.3	-0.59%	1.4	8,424	81.6	3,238	26.0	48.7%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	100.6	-1.37%	1.3	11,507	75.4	4,754	21.2	10.1%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.3	0.23%	1.3	4,365	38.7	2,336	18.5	7.3%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.4	-0.40%	1.7	5,875	75.3	1,086	11.4	10.1%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.8	0.46%	1.3	7,797	31.0	1,237	17.6	15.5%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.7	-1.52%	1.5	14,675	202.2	915	24.8	8.5%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.5	3.10%	1.5	20,848	77.2	2,720	17.1	5.6%	14.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
7	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
8	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
9	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
21	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>